

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09-5-2024
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thanh T, sinh năm 2005. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Phan Thanh N, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thanh T trình bày:

Bà và ông N tự quen biết và tìm hiểu nhau khoảng một năm thì gia đình tổ chức đám cưới một phía bên gia đình bà T vào ngày 21 tháng 6 (âm lịch) năm 2022 và không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, bà T sống làm dâu bên gia đình ông N khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do gia đình ông N khó khăn, ông N không quan tâm và phải sống phụ thuộc về kinh tế nên bà T

cảm thấy cuộc sống bức bối, đến tháng 9 năm 2023 thì bà T về nhà cha mẹ ruột sinh sống và đi làm công nhân ở xã B, thị xã K. Bà T đã đề nghị ông N về việc chấm dứt cuộc sống chung như vợ chồng nhưng ông N vẫn thường xuyên quấy rối, đe dọa bà T và gia đình bà T. Do đó bà T gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông N, không công nhận bà T và ông N là vợ chồng. Quá trình chung sống, bà T và ông N không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Phan Thanh N vắng mặt trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu của bà T

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, vắng mặt nhiều lần không có lý do.

Về nội dung vụ án: Theo lời trình bày của nguyên đơn thì giữa nguyên đơn với bị đơn chung sống có tổ chức đám cưới vào tháng 6 năm 2022 (âm lịch) nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ vào giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An xác định tình trạng hôn nhân của bà Phạm Thanh T là “Hiện chưa đăng ký kết hôn với ai”. Xét thấy, bà T và ông N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng và không phải là hôn nhân hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 8, 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, các điều 28, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên bố không công nhận bà Phạm Thanh T và ông Phan Thanh N là vợ chồng. Quá trình chung sống bà T và ông N không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thanh T và ông Phan Thanh N có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp. Tuy nhiên, do bà T muốn được giải quyết chấm dứt mối quan hệ như vợ chồng với ông N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”. Và theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”, do đó yêu cầu của bà T là có căn cứ.

[2.2] Bị đơn ông Phan Thanh N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của nguyên đơn và bị đơn là Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An thể hiện các đương sự không có đăng ký kết hôn.

[2.4] Từ những cơ sở trên, căn cứ quy định tại Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thanh T và ông Phan Thanh N.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày quá trình chung sống với ông N không có con chung, không có tài sản chung và không nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thanh T.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thanh T và ông Phan Thanh N.

2. Về án phí: Bà Phạm Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0002506 ngày 07/3/2024 sang tiền án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh